

Phổ biến vũ khí hạt nhân từ góc nhìn của chủ nghĩa kiến tạo

NGHIÊM TUẤN HÙNG*

Trong lý thuyết quan hệ quốc tế, việc sở hữu vũ khí hạt nhân (VKHN) được các học giả phân tích theo nhiều cách tiếp cận khác nhau. Nếu như chủ nghĩa hiện thực coi là biểu tượng cho tham vọng của nhà nước để tự bảo vệ mình, phản ứng với những bất ổn về an ninh và tham vọng tự vệ một cách độc lập, VKHN xuất phát từ lợi ích quốc gia cùng những sức ép từ hệ thống quốc tế thì chủ nghĩa kiến tạo (CNKT) lại đưa ra góc nhìn khác. CNKT coi những quyết định hạt nhân xuất phát từ nhận thức của giới tinh hoa (elite), có chức năng mang tính biểu tượng quan trọng, vừa định hình, vừa phản ánh bản sắc của nhà nước. Theo góc nhìn này, hành vi của nhà nước không chỉ bị tác động từ những tính toán về lợi ích của các nhà lãnh đạo quốc gia mà còn bị định hướng bởi giới tinh hoa, bởi những nguyên tắc và niềm tin chung của các nhà lãnh đạo về những hành động được coi là hợp lệ và thích đáng trong quan hệ quốc tế.

Từ khóa: Vũ khí hạt nhân, chủ nghĩa kiến tạo, quan hệ quốc tế.

1. Những luận điểm kiến tạo về vấn đề phổ biến vũ khí hạt nhân

CNKT cho rằng vai trò của giới tinh hoa là rất quan trọng trong hoạch định chính sách của nhà nước nói chung. Các nhà xã hội học và khoa học chính trị đã nghiên cứu về sự nổi lên và tầm ảnh hưởng của các cá nhân trong những lĩnh vực riêng biệt, nhấn mạnh vào tầm quan trọng của vai trò, hành động và nghi thức. Các cá nhân và tổ chức có thể có nhiều lợi ích nhưng những lợi ích đó bị định hình bởi vai trò xã hội của chủ thể cá nhân, được thực hiện bởi

những sở thích và hành động hay những quyết định có lý trí và được gắn với môi trường xã hội mà thúc đẩy những cấu trúc và hành vi đúng đắn hay duy lý, đồng thời xem những người khác là phi lý trí.

Trong trường hợp kiến tạo chương trình hạt nhân cũng vậy, việc xem xét vai trò của giới tinh hoa cũng cực kỳ quan trọng. Hơn nữa, bản sắc hay quy chuẩn quốc gia hoặc bất cứ quyết định nào cũng bị ảnh hưởng bởi tâm lý của giới tinh hoa và các nhà lãnh đạo. Cảm xúc và tâm lý cũng như niềm tin thường được kiến tạo mang tính xã hội và tồn tại trong những mối quan hệ xã hội; chúng chủ yếu tồn tại giữa

* Viện Kinh tế và Chính trị thế giới

những giá trị, niềm tin và khát vọng được cả xã hội chia sẻ và kết nối. Cảm xúc “thường được kiến tạo để phục vụ các chức năng văn hóa xã hội... để ngăn cản những thái độ và hành vi đáng chê trách, để duy trì và tán thành những giá trị văn hóa”¹. Cảm xúc tác động mạnh đến nhận thức của chủ thể về mục đích và khả năng của “người khác” đồng thời định hướng xem liệu quan hệ giữa “ta” với “họ” nên gần hay xa.

Mối liên hệ giữa nhận thức và cảm xúc của chủ thể trên trường quốc tế được Robert Jervis xác định như sau: “Thông thường, không thể giải thích những quyết định và chính sách quan trọng mà không tính đến niềm tin và sự kỳ vọng về thể giới của nhà hoạch định chính sách cùng với hình dung của họ về người khác. Điều đó nói rằng, những nhận thức này là một phần của nguyên nhân dẫn đến hành vi có liên quan và các cấp độ phân tích khác nhau không thể ngay lập tức nói chung chúng ta chúng sẽ như thế nào. Và thậm chí nếu chúng ta thấy ai đó ở cùng địa vị, cư xử cùng một kiểu cách, sẽ rất có lợi để phân tích quá trình hoạch định chính sách khi có những khác biệt giữa quan niệm của nhà hoạch định và thực tiễn”². Như vậy, có thể nói rằng quan điểm kiến tạo xã hội về cảm xúc rất thích hợp để giải thích những khác biệt của các nền văn hóa trong vai trò mà cảm xúc thực thi đối với chính sách hạt nhân của các nước.

Dựa vào quan điểm về vai trò của giới tính hoa, học giả Peter Lavoy đặt ra câu hỏi về vai trò, tâm lý của giới tính hoa và phát triển cách tiếp cận mà ông gọi là người kiến tạo huyền thoại (*myth-maker*) như câu trả lời cho vấn đề phổ biến hạt nhân. Mục đích của cách tiếp cận này là nhằm giải thích tại sao VKHN được phổ biến mặc cho những vấn đề bất ổn vây quanh và thậm họa có thể xảy đến. Lavoy cho rằng trong một quốc gia, giới tính hoa, những người muốn

phát triển VKHN vì vấn đề an ninh, quyền lực hay biểu tượng, chính là người kiến tạo huyền thoại. Khái niệm “huyền thoại hạt nhân” (*nuclear myth*) là rất quan trọng dù mang tính huyền thoại hơn là thực tế³. Cách tiếp cận này khá hữu dụng, có thể giải thích vai trò của những cá nhân, tinh hoa có ảnh hưởng trong quá trình xây dựng chương trình hạt nhân.

Chẳng hạn, Lavoy cho rằng vai trò của Ủy ban Hạt nhân Ấn Độ (*Indian Atomic Energy Commission*) và đặc biệt là Chủ tịch Homi Bhabha trong quá trình kiến tạo huyền thoại hạt nhân của Ấn Độ là không thể phủ nhận⁴. Trong trường hợp của nước Pháp, việc phát triển các chương trình hạt nhân cũng phản ánh rất rõ vai trò và quan niệm của giới chức lãnh đạo nước này – những người kiến tạo huyền thoại. Niềm tin mạnh mẽ của giới chức Pháp khi cho rằng sức mạnh và VKHN gắn liền với vị thế của đất nước trên trường quốc tế được nêu ra trong bản Kế hoạch 5 năm mà nước Pháp đưa ra với mục tiêu “đảm bảo trong vòng 10 năm nữa nước Pháp sẽ trở thành một nước quan trọng”⁵. Đối với cựu tổng thống Charles de Gaulle, bom hạt nhân là một biểu tượng rõ ràng cho sự độc lập của nước Pháp và là cái cần thiết để nước Pháp tiếp tục được thừa nhận là một cường quốc trong mắt chính họ và người khác khi viết rằng: “Một nước Pháp mà không có trách nhiệm đối với thế giới sẽ là không xứng đáng với bản thân, đặc biệt là trong con mắt người Pháp. Đó chính là lý do nước Pháp phân đối NATO [...] Đó là lý do nước Pháp muốn chứng tỏ mình với vũ trang hạt nhân. Chỉ có cách này thì nền quốc phòng và chính sách đối ngoại của chúng ta mới độc lập”⁶.

³ Lavoy, Peter R. (1993): *Nuclear Myths and the Causes of Nuclear Proliferation*, Security Studies, Vol. 2, Spring/Summer, p. 200.

⁴ Lavoy, Peter R. (1993): *đã dẫn*, p. 202.

⁵ Goldschmidt, *The Atomic Complex*, p. 126.

⁶ Tham khảo thêm Charles de Gaulle (1971): *Memoirs of Hope: Renewal and Endeavor*, Simon and Schuster, New York, p. 209. Sau năm 1958, cuộc khủng hoảng ở Angeria đã tác động lớn đến nỗi ám ảnh hạt nhân của Charles de Gaulle với tham vọng về sự độc lập và vĩ đại

¹ Crawford, Neta C. (2000): *The Passion of World Politics: Propositions on Emotions and Emotional Relationships*, International Security, No. 24, Vol 4, p. 129.

² Jervis, Robert (1976): *Perception and Misperception in International Politics* Princeton, Princeton University Press, p. 28-29

Kho hạt nhân của nước Pháp trước hết được coi có chức năng mang tính biểu tượng. Những tuyên bố của de Gaulle rằng vũ khí hạt nhân của nước Pháp có khả năng triển khai toàn cầu và nhằm vào mọi hướng được nhìn nhận không phải là sản phẩm của những đe dọa về an ninh đến từ mọi hướng mà như chính sách kiên trì vì sự độc lập và vĩ đại của nước Pháp. Tương tự như vậy, học thuyết chiến lược của nước Pháp về một sự ngăn chặn tương ứng dành cho Liên Xô trong thời kỳ chiến tranh Lạnh cũng không có nhiều giá trị thực sự. Nói cách khác, Liên Xô không phải là mục tiêu mà kho hạt nhân của nước Pháp hướng tới. Cuối cùng, khi người Pháp miễn cưỡng dùng thử hạt nhân từ giữa những năm 1990, điều đó không chỉ được coi như những lo ngại về hiện đại hóa quân sự và an toàn hạt nhân mà còn bởi những vụ thử được Paris coi như là biểu tượng của bản sắc và vị thế cường quốc của nước Pháp.

Nhìn nhận những trường hợp nghiên cứu ở trên, chúng ta có thể thấy vai trò về niềm tin của tinh hoa trong quá trình kiến lập chương trình hạt nhân, nhưng như vậy là chưa đủ. Học giả Jacques Hymans phân biệt giữa các nhà dân tộc chủ nghĩa với những người có địa vị thấp hơn. Theo đó, nhà dân tộc chủ nghĩa đối lập chắc chắn sẽ thể hiện thái độ tích cực đối với việc sở hữu hạt nhân: “Các nhà dân tộc chủ nghĩa đối lập thấy đất nước cạnh tranh với các đối thủ từ bên ngoài cũng như phải ngang bằng hoặc không muốn nói là vượt trội. Chính quan niệm ấy đã dẫn đến hai cảm xúc là sợ hãi và nỗi tự hào – một trạng thái pha trộn tâm lý mang tính bùng nổ. Do sợ hãi và tự hào định hướng, các nhà dân tộc chủ nghĩa khát khao sở hữu VKHN, vượt qua cả những tính toán lợi ích. Do

đó, mặc cho sự phức tạp của những lựa chọn hạt nhân, các nhà lãnh đạo mà quyết sở hữu bom hạt nhân có xu hướng không quay trở lại. Đối với họ, không giống như phần lớn các đồng nghiệp, lựa chọn VKHN chẳng phải một lời kêu gọi hay sự lựa chọn cuối cùng mà là sự cần thiết tuyệt đối!”⁷

*Trong khi đó, Scott D. Sagan chỉ ra rằng việc sở hữu VKHN gần như để phục vụ lợi ích chính trị hẹp của một số nhân vật trong giới tinh hoa hơn là bảo vệ an ninh quốc gia*⁸. Do đó, nếu một chủ thể dưới quốc gia, ví dụ như các chính trị gia, quan chức liên quan đến chương trình hạt nhân hay những nhân vật có ảnh hưởng trong quân đội hoặc các quan chức mong muốn xây dựng chương trình hạt nhân là đơn vị phân tích đầu tiên, còn nhân tố an ninh quốc gia chỉ là phần phụ. Thêm nữa, Sagan cho rằng những nhân tố dưới tầm quốc gia, các nhóm tinh hoa với lợi ích nhóm tác động đến chính sách của chính phủ theo hai cách, cách trực tiếp là tận dụng khả năng và sức mạnh chính trị, cách thứ hai là tác động gián tiếp qua thông tin⁹. Góc nhìn này ngụ ý rằng các chủ thể dưới tầm quốc gia có một vai trò chủ động hơn trong quá trình hoạch định chính sách chứ không đơn thuần là chạy theo và phục tùng những quyết sách chính trị của các lãnh đạo cấp cao. Các nhà độc tài vốn không ưa xu thế hội nhập khu vực và toàn cầu gần như chắc chắn sẽ tìm cách sở hữu VKHN để đạt được các mục đích chính trị cũng như duy trì quyền lực. VKHN trở thành một công cụ tuyên truyền của các nhà nước độc tài về chính trị và biệt lập về kinh tế.

Nói cách khác, lợi ích hẹp của một số chủ thể trong quá trình hoạch định chính sách hạt nhân tác động mạnh đến sự lựa chọn của đất nước. Những chủ thể này thông thường muốn VKHN được sở hữu bởi giới quân sự, ngành công nghiệp quân sự, giới khoa học hạt nhân và

của nước Pháp. Mặt khác, de Gaulle cũng tỏ ra ít chú trọng tới việc liệu lực lượng hạt nhân của Pháp có đủ khả năng để ngăn chặn mối đe dọa quân sự từ Liên Xô hay không. Ví dụ, trong cuộc khủng hoảng Berlin 1958 (trước khi Pháp thử hạt nhân năm 1960) và cuộc khủng hoảng tên lửa Cuba 1962 (sau vụ thử nhưng trước khi lực lượng hạt nhân Pháp được triển khai), de Gaulle nhấn mạnh niềm tin rằng Liên Xô sẽ không mạo hiểm tấn công các nước NATO.

⁷ Hymans, Jacques E. C. (2006): *đã dẫn*, p. 2.

⁸ Sagan, Scott D. (1996). *Why Do States Build Nuclear Weapons? Three Models in Search of a Bomb*, International Security, No. 21 (3), p. 63.

⁹ Sagan, Scott D. (1996): *đã dẫn*, p. 64.

tầng lớp chính trị. Thông thường, lợi ích chung của nhóm các chủ thể này sẽ tạo ra một liên minh, một nhóm tinh hoa chiến lược muốn giành được quyền kiểm soát hành chính và thông tin đối với công luận. Bằng cách kiểm soát công luận, nhóm tinh hoa chiến lược có thể tạo ra tâm lý số đông hướng tới VKHN với việc dựng lên những mối đe dọa trong nhận thức và quan trọng hơn là gắn những giá trị mang tính biểu tượng vào các thiết bị hạt nhân, đó có thể là lòng tự tôn quốc gia, những giá trị tập thể,... Nhóm tinh hoa chiến lược sẽ hoạt động như chất xúc tác cho chính sách hạt nhân khi làm nổi lên những quy chuẩn liên quan đến huyền thoại hạt nhân.

Vai trò của các chủ thể dưới tầm nhà nước được thấy rõ trong trường hợp của Bắc Triều Tiên. Mục đích cao nhất mà Bắc Triều Tiên hướng tới khi theo đuổi chương trình hạt nhân là giữ gia đình họ Kim trên đỉnh cao quyền lực chứ không hẳn là để bảo đảm an ninh và tương lai của đất nước này. Lập luận của giới chức Bắc Triều Tiên với chính sách "tiền quân" cùng nguyên tắc cơ bản tự lực cánh sinh cùng việc nói không với thương mại quốc tế khiến vũ khí hạt nhân được coi là sức mạnh chính là nguyên nhân giải thích cho động lực hạt nhân của nước này. Giới chức quân sự muốn sở hữu VKHN như một phương tiện để đảm bảo quyền lực thống trị ở cấp độ nội địa. Chính sách tiền quân của Triều Tiên do đó tạo điều kiện cho việc phát triển hạt nhân để duy trì chế độ độc tài quân sự ở nước này. Bên cạnh lợi ích của giới quân sự, nguyên tắc tự lực cánh sinh và tự cung tự cấp và thuyết chủ thể (*juche*)¹⁰ cũng phản ánh mục tiêu của nhà độc tài nhằm duy trì tính

hợp hiến và quyền lực tuyệt đối thông qua việc sở hữu vũ khí hạt nhân.

Dưới góc nhìn kiến tạo, niềm tin và tâm lý, cảm xúc của giới tinh hoa quy định sẽ chuyển trạng thái sở hữu VKHN thành hành động mang tính quy chuẩn và được quy định bởi bản sắc. Thật bất ngờ khi có sự chú ý dành cho biểu tượng hạt nhân và sự phát triển của những quy chuẩn liên quan đến việc sở hữu loại hình vũ khí này¹¹. Khuynh hướng sở hữu hạt nhân của một nước có thể bắt nguồn từ bản sắc của xã hội đó. Khái niệm về bản sắc trong sự lựa chọn chính sách ngoại giao phản ánh quan niệm của một xã hội về việc đất nước ấy đứng ở đâu trong tương quan với các nước khác trên trường quốc tế. Quan niệm bản sắc mang tính cạnh tranh này định hướng cho quan điểm rằng đất nước nên cạnh tranh hay chấp nhận, vị thế cao hay thấp, v.v. Quan niệm về bản sắc chuyển thành quy chuẩn như là khuôn mẫu ứng xử định hướng cho chính sách hạt nhân và đối ngoại. Trong trường hợp các quy chuẩn tán thành việc sở hữu VKHN thì những quy chuẩn đó xuất phát từ một khuôn mẫu cơ bản là tham vọng sở hữu. Cần phải chú ý rằng tham vọng giải trừ mà một nước cố gắng theo đuổi thông qua sở hữu VKHN không tương ứng với việc gìn giữ an ninh. Hơn thế nữa, nó biểu thị tham vọng của nhà nước để tự bảo vệ mình, phản ứng với những bất ổn về an ninh và tham vọng tự vệ một cách độc lập. Điều này ngụ ý cả hai khía cạnh: nhận thức về an ninh và chủ quyền. Gần như các nước sẽ muốn sở hữu hạt nhân nếu họ thấy bất ổn về an ninh hoặc có xu hướng thực hiện chính sách ngoại giao độc lập tự chủ hoặc thể hiện tiềm năng quyền lực. Trong mô hình về sự lựa chọn hạt nhân của các nhà lãnh đạo, Jacques E. C. Hymans đã phát triển khái niệm bản sắc quốc gia như một biến số độc lập mà ông định nghĩa là "cách thức của một cá nhân về bản sắc quốc gia – cảm xúc của người này

¹⁰ "Thuyết chủ thể" hoặc "Chủ thể tư tưởng" cho rằng con người là chủ thể của tất cả mọi thứ trên đời này và quyết định tất cả mọi thứ. Vận dụng ý này vào hoàn cảnh cách mạng Triều Tiên thì người Triều Tiên chính là chủ thể của cuộc cách mạng đó. Tất nhiên cả một hệ tư tưởng của một chế độ chính trị không chỉ đơn giản vậy. Thuyết này phức tạp đến nỗi người phương Tây cảm thấy khó dịch trọn vẹn nội dung của thuật ngữ này, thường chọn giải pháp là phiên âm, trong tiếng Anh là *Juche* Idea.

¹¹ Về vấn đề đạo đức hạt nhân, xem thêm Nye, Joseph S. (1986): *Nuclear Ethics*, Free Press, New York, và Stephen P. Lee (1993). *Morality, Prudence and Nuclear Weapons*, Cambridge University Press, New York.

hoặc người kia về cái mà quốc gia đại diện cho và vị thế quốc gia đứng cao thế nào so với các nước khác trên trường quốc tế¹². Quan niệm về bản sắc quốc gia là một niềm tin ẩn sâu bên rễ và khó thay đổi qua thời gian.

Cách thức những quy chuẩn mang tính liên chủ quan (*intersubjective*) và xuất phát từ bản sắc tập thể biểu thị cho chính sách hạt nhân thông qua khuôn mẫu “chúng ta” chống lại “họ” vốn thể hiện sự tương phản giữa chủ thể “chúng ta” với những kẻ thù địch trên thực tế hoặc trong nhận thức. Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, sự thù địch được xác định thông qua sự xung đột về ý thức hệ còn hiện tại, hầu hết các nước trong thời kỳ hậu thực dân, quan niệm về “kẻ khác” gần như được gắn với những nước thực dân trước đây và người kế thừa của họ. Bản sắc thời kỳ hậu thực dân có xu hướng đưa thêm những chiều cạnh tình cảm mạnh mẽ vào việc xác định sự khác biệt giữa “ta” và “họ” và tác động mạnh đến tâm lý tập thể về chủ quyền. Xung đột của sự xác định tình cảm với trật tự hạt nhân quốc tế, trong đó các cường quốc thực dân cũ và những người kế thừa của họ giành lấy uy thế thông qua một hiệp ước bất bình đẳng, thúc đẩy thông qua một thể chế mang tính bảo vệ vốn thường được nhận thức là đe dọa cảm giác về giá trị chủ quyền và quốc gia vốn được các nhà nước hậu thực dân xác định. Cảm giác mạnh mẽ về chủ quyền do các nước hậu thực dân thể hiện và họ tìm kiếm vị thế đứng đắn trên chiếc bàn quốc tế, vị thế vốn được chuyển thành uy tín quốc tế, là những điều kiện quan trọng tạo nên huyền thoại hạt nhân, ví dụ như một bộ quy tắc ủng hộ việc sở hữu hạt nhân.

Jacques Hymans cho rằng bản sắc sẽ chuyển sang hai dạng quy chuẩn cơ bản là “cảm kỳ hạt nhân” và “huyền thoại hạt nhân”. Khi cảm giác về sự tương đồng giữa các chủ thể càng lớn thì họ sẽ “ghê tởm” những loại vũ khí mang tính biểu tượng cho sức mạnh hủy diệt của kẻ khác. Ngược lại, nếu những chủ thể xác định mối

quan hệ với “kẻ khác” thuần túy mang tính đối lập sẽ có xu thế bị thu hút bởi cảm giác được an toàn do vũ khí hạt nhân với tư cách là những công cụ ngăn chặn mạnh lại; đó là “huyền thoại”. Bản sắc thời kỳ hậu thực dân có xu hướng đưa thêm những chiều cạnh tình cảm mạnh mẽ vào việc xác định sự khác biệt giữa “ta” và “họ” và tác động mạnh đến tâm lý tập thể về chủ quyền. Ví dụ rõ nhất là trường hợp của Iran và Ấn Độ, trong đó lý luận về hạt nhân mang theo hàm ý chống thực dân mạnh mẽ. Lập luận của các nước này thiên về cảm tính trong đó sự phân đôi dành cho cơ chế toàn cầu về sự phân biệt hạt nhân cũng giống như cuộc chiến giành độc lập. Xung đột của sự xác định tình cảm với trật tự hạt nhân quốc tế, trong đó các cường quốc thực dân cũ và những người kế thừa của họ giành lấy uy thế thông qua một hiệp ước bất bình đẳng, thúc đẩy thông qua một thể chế mang tính bảo vệ vốn thường được nhận thức là đe dọa cảm giác về giá trị chủ quyền và quốc gia vốn được các nhà nước hậu thực dân xác định.

Ngoài tâm lý “chống thực dân” và tìm công bằng, các nhà nước có động lực phát triển hạt nhân khi họ nhận thấy VKHN là biểu tượng của uy tín và sự hiện đại, đồng thời thúc đẩy vị thế của nhà nước hay như Lavoy nói rằng đó là một huyền thoại. Quan niệm về huyền thoại hạt nhân rất gần với tư tưởng về uy tín, cái mà các nước tìm kiếm trong hệ thống quốc tế. Các nước đều muốn nâng cao vị thế bằng cách biểu trưng và tăng cường quyền lực.

VKHN, vốn được coi là biểu tượng của sức mạnh tuyệt đối, xuất hiện như là một công cụ đắc lực để các nhà nước đạt được mục tiêu của mình. Những nhà nước đó “thường là những nước thất trận trong cuộc chiến tranh giữa các cường quốc và/hoặc tăng cường quyền lực sau khi trật tự quốc tế được thiết lập và lợi ích được phân chia”¹³. Luận điểm kiến tạo này đặt trọng tâm vào logic về sự tương thích, vốn được xác định như hành vi chính trị như là sản phẩm của

¹² Hymans, Jacques E. C. (2006): *The Psychology of Nuclear Proliferation: Identity, Emotions, and Foreign Policy*, Cambridge University Press, p. 13.

¹³ Teaver, Peter D. (2000): *Brother, Can You Spare a Paradigm?*, International Security, Vol. 25, No.1, Summer 2000, p. 177.

luật lệ, vai trò và bản sắc mà quy định hành vi của quốc gia trong từng trường hợp cụ thể. Những động lực của hành vi sở hữu hạt nhân do đó được nhìn nhận từ góc độ những giá trị được kiến tạo về mặt xã hội. Trong khi nhiều nước có thể cho rằng sở hữu VKHN là điều kiện cần thiết để trở thành một nhà nước hiện đại thì những nước khác có thể phát triển những quy chuẩn đối lập, khác biệt với bản sắc của một nhà nước hiện đại. Theo học giả Scott D. Sagan "từ góc nhìn xã hội học, các tổ chức quân sự và vũ khí của họ có thể được dự đoán mang chức năng phục vụ như những lá cờ, các hăng hăng không hay đội tuyển Olympic; chúng là một phần mà các nhà nước hiện đại tin rằng họ phải sở hữu để đứng là những nhà nước chính thống và hiện đại"¹⁴

Niềm tự hào với tham vọng về vị thế là nhân tố quan trọng trong quan niệm về bản sắc
Niềm tự hào thể hiện trong mối quan hệ giữa chúng ta với đối thủ/đối tác. Tham vọng về vị thế được chuyển thành thái độ sở hữu VKHN trong hai trường hợp: Thứ nhất, "chúng ta" bình đẳng hay hơn "người khác" về vị thế; hoặc thứ hai, việc đối thủ sở hữu VKHN được nhận thức là vi tăng cường vị thế. Trường hợp thứ hai là đặc biệt quan trọng. Nó có thể lý giải cho giả thiết rằng hầu hết các nước xác định vị thế của họ ít nhất phải ngang bằng khi so sánh với các đối thủ¹⁵. Nếu đối thủ được cho là tìm cách nâng cao vị thế nhờ VKHN thì khát khao về vị thế chắc chắn sẽ chuyển sang mong muốn sở hữu vũ khí¹⁶. Mặt khác, trong số các nước có tiềm năng hạt nhân quân sự nhưng không phát triển, tham vọng về vị thế có thể được nâng với

cao quan điểm chống hạt nhân (để cao đạo đức, giải trừ quân bị) nếu đối thủ của họ biện hộ rằng VKHN là một phần của vị thế quốc tế¹⁷.

Trong lĩnh vực hạt nhân, trật tự quốc tế thiết lập năm 1968 với Hiệp ước Cấm phổ biến (NPT), giữ gìn trạng thái cân bằng quyền lực nhưng mang lại đẳng cấp siêu cường cho một nhóm 5 nước. Những nước nào cho rằng sự bất công phát triển cùng với vị thế và quyền lực ngày càng tăng của nhóm 5 nước kia sẽ có xu thế chống lại thể chế. Sự đối lập này có thể bị hạn chế, ít thể hiện trong hoạt động ngoại giao của hầu hết các cường quốc đang nổi lên nhưng trong một vài trường hợp, những nước mới nổi sẽ tìm kiếm một sự thay đổi trong hệ thống bằng cách sở hữu VKHN. Vì thế, phải hiểu về sự khác biệt rõ ràng tồn tại giữa vũ khí thông thường và VKHN. Sự khác biệt này không nằm trong các ứng dụng quân sự hay mức độ hủy diệt mà hơn thế nữa, sự khác biệt này được kiến tạo về mặt xã hội, phản ánh bản sắc của những chủ thể có liên quan. Bản sắc được chuyển thành quy chuẩn định hướng cho các khuôn khổ hành động. Trong quá trình hình thành quy chuẩn, những cảm xúc như sự tự hào hay nỗi sợ hãi được gắn với vấn đề hạt nhân. Trong quá trình này, VKHN nổi lên như một biểu tượng của uy tín.

Trong trường hợp nước Pháp như đã trình bày ở trên, niềm tin của giới chức Pháp khi đó đã biến VKHN trở thành một biểu tượng của sự độc lập và vĩ đại. Nước Pháp sau Thế chiến thứ hai đã ở vào một vị thế không chắc chắn: Dù là một nước chiến thắng nhưng nếu xét về vị thế quốc tế và sức mạnh quân sự thì họ chẳng là gì so với các nước trong phe Đồng Minh và cũng thua kém rất nhiều so với chính nước Pháp trong giai đoạn trước đó. Do đó, không ngạc nhiên khi chính phủ của Nền cộng hòa thứ tư và thứ năm tìm mọi cách thức và phương tiện để đưa nước Pháp trở lại vị thế cường quốc như trong lịch sử¹⁸. Sau cuộc chiến, nỗ lực đầu

¹⁴ Sagan, Scott D. (1996): *đã dẫn*, p.74.

¹⁵ Có người sẽ cho rằng nước Đức là một ngoại lệ khi tìm kiếm vị thế trong so sánh với hai đối thủ được vũ trang hạt nhân là Anh và Pháp. Tuy nhiên, trường hợp ngoại lệ này bắt nguồn từ yếu tố lịch sử khi người Đức đã thua trận trong Thế chiến thứ hai.

¹⁶ Nước sở hữu VKHN để chống lại đối thủ không có VKHN chính là Israel. Trong khi Israel chứng tỏ họ là một cường quốc trong so sánh với các đối thủ thì họ cho rằng sự sợ hãi (bản chất) đóng vai trò tối quan trọng trong sự lựa chọn hạt nhân. Một ví dụ khác cho giả thiết này là Bắc Triều Tiên với các đối thủ là Hàn Quốc và Nhật Bản; tuy đây không phải là một ví dụ có sức nặng khi 2 nước kia cũng có tiềm năng quân sự cực lớn.

¹⁷ Các nước Scandinavia có thể coi là ví dụ cho động lực này.

¹⁸ Về vấn đề này, tham khảo thêm Scheinman, Lawrence (1965): *Atomic Energy Policy in France Under the*

tiền của nước Pháp nhằm khôi phục lại vị thế là tập trung vào cuộc chiến giữ vị thế đế quốc ở các thuộc địa nhưng như Michel Martin đã nói, “khi tầm màn đã bao phủ vị thế thực dân thì sự vĩ đại của đất nước này phải được nuôi nấng từ những nguồn khác”.¹⁹ VKHN có thể được coi là biểu tượng của nước Pháp trong suốt thời kỳ sau này. Khi người Pháp miễn cưỡng dùng thử hạt nhân từ giữa những năm 1990, điều đó không chỉ được coi như những lo ngại về hiện đại hóa quân sự và an toàn hạt nhân mà còn bởi những vụ thử được nước Pháp coi như là biểu tượng của bản sắc và vị thế cường quốc của nước Pháp.

2. Một vài hạn chế trong phân tích của CNKT

Cho dù đã mang lại cách tiếp cận mới dựa vào tâm lý của giới tinh hoa và vấn đề liên quan đến bản sắc quốc gia và nhận thức về chuẩn mực nhưng cách lý giải của CNKT về vấn đề phổ biến hạt nhân vẫn còn một số điểm hạn chế như sau:

Thứ nhất, cách lý giải dựa vào cách tiếp cận cá nhân và giới tinh hoa với những lợi ích hẹp của họ không hẳn là hợp lý và đúng đắn trong mọi trường hợp và mọi thời điểm. Ví dụ, trong những năm 1990, Bắc Triều Tiên thực thi chính sách khác hẳn với hiện nay. Quyết định ký kết một hiệp ước ngưng của Bắc Triều Tiên vào năm 1994 được coi là một sự bất thường. Dù bối cảnh Bắc Triều Tiên phải chịu đựng cũng không khác hiện nay là mấy (thiếu đói, kinh tế trì trệ, tập trung quyền lực trong tay quân đội) nhưng họ vẫn quyết định ký thỏa thuận ngưng chương trình hạt nhân. Thỏa thuận song phương với Mỹ buộc Bắc Triều Tiên phải tạm đóng cửa nhà máy hạt nhân Yongbyon, cho phép các thanh sát viên của IAEA đến làm việc và là một thành viên của Hiệp ước NPT. Thỏa thuận này chứng tỏ Bắc Triều Tiên sẵn sàng đình chỉ

chương trình hạt nhân và chương trình hạt nhân Triều Tiên không phải phục vụ cho lợi ích của các nhà lãnh đạo chính trị và quân sự. Hành vi trái ngược này không đúng với logic cho rằng VKHN được quyết định bởi giới tinh hoa.

Thứ hai, dù cách tiếp cận này khá hữu dụng, có thể giải thích vai trò của những cá nhân, giới tinh hoa có ảnh hưởng trong quá trình xây dựng chương trình hạt nhân nhưng một phê phán chung nữa dành cho cách tiếp cận dựa vào niềm tin là nó chỉ thích hợp để lý giải hành động của cá nhân chứ rất khó để giải thích tại sao các nhóm có niềm tin về các vấn đề tương tự như nhau. Hơn nữa, luận điểm cho rằng các nhóm chuyên gia có thể ảnh hưởng đến quyết định không phổ biến là thuyết phục nhưng cũng dẫn đến câu hỏi làm sao các chuyên gia có thể thay đổi niềm tin của các nhà hoạch định chính sách. Nói cách khác, điều gì khiến các nhà lãnh đạo chính trị chấp nhận tư tưởng của một nhóm các chuyên gia này thay vì một nhóm khác? Tại sao họ sẵn sàng chấp nhận thuyết ngăn chặn bằng lý trí của những năm 1950? Tại sao lý thuyết này không còn thuyết phục? Các nhà lãnh đạo chính trị đôi khi sử dụng ý tưởng của các chuyên gia để giải thích hoặc hợp lý hóa những chính sách mà họ theo đuổi vì các mục đích chính trị.

Thứ ba, dù có những điểm đáng chú ý giải thích động lực phổ biến cùng sự lựa chọn chính sách nhưng cách tiếp cận tâm lý vẫn còn những điểm hạn chế. Hạn chế lớn nhất là những nhân tố tâm lý, quy chuẩn hay bản sắc rất khó được định lượng, rất dễ thay đổi thông qua quá trình học tập và nhận thức; vì phân tích dựa trên những yếu tố tinh thần chỉ mang lại những giải thích tương đối hạn chế về động lực của các quốc gia hạt nhân. Cách tiếp cận tâm lý có thể mang lại cách hiểu về hệ thống niềm tin cùng quá trình học hỏi hay tác động của chúng vào vấn đề hoạch định chính sách nhưng chúng quá hẹp và chuyên biệt để giải thích mối quan hệ giữa niềm tin với các nhân tố khác trong quá trình phổ biến. Khi tâm lý cá nhân lãnh đạo thay đổi thì liệu chính sách có thay đổi? Có thể nói rằng niềm tin sẽ thay đổi như là kết quả của quá

Fourth Republic và Kohl, Wilfrid (1971): *French Nuclear Diplomacy*, Princeton University Press.

¹⁹ Martin, Michel L. (1981): *Warriors to Managers: The French Military Establishment Since 1945*, Chapel Hill, University of North Carolina Press, N.C., p.21.

trình học tập hay nhận thức dựa những thông tin được chia sẻ và quá trình học tập, nhận thức này có thể dẫn đến những chính sách mới. Câu hỏi quan trọng cần phải giải quyết là: cái gì khiến các chủ thể tin rằng một số việc họ làm là đúng và mối quan hệ giữa niềm tin, sự kiện, truyền thống, công nghệ và chính trị là gì?

Chắc chắn, cái gọi là huyền thoại hạt nhân gần như sẽ tồn tại cho đến khi những cá nhân có vị trí cao, tầm ảnh hưởng thay đổi tư duy và tạo ra một huyền thoại khác – có thể là câu chuyện mất an ninh hạt nhân. Câu hỏi đặt ra ở đây là liệu niềm tin vào trạng thái mất an ninh hạt nhân do thứ vũ khí đó mang lại có thể được coi là huyền thoại? Khi càng có nhiều thông tin về những tác động tiêu cực từ các vụ tai nạn hạt nhân mang lại và khi người ta nghĩ về những tác động đó thì có niềm tin về hạt nhân với tư cách như một câu chuyện huyền thoại dường như không còn đúng đắn.

*

*

Nhìn chung, cách tiếp cận mang tính nhận thức, dựa vào tâm lý cá nhân và tập trung vào

niềm tin cũng như vai trò của giới tinh hoa trong việc xây dựng bản sắc hay biểu tượng quốc gia có thể góp phần giải thích về những ảnh hưởng đến quyết định sở hữu và phổ biến VKHN. Một lợi ích của cách tiếp cận này là nhận thức động lực phổ biến đã tách rời khỏi quan điểm cho rằng các cá nhân hay nhóm hoạch định chính sách hạt nhân bị định hướng bởi lợi ích quốc gia hay sức ép của hệ thống quốc tế. Điều này mang lại cách diễn giải rộng hơn về động lực cho hành vi của con người, vượt qua giới hạn của Chủ nghĩa hiện thực trong việc tìm kiếm nguyên nhân phổ biến VKHN.

Dù vậy, tâm lý cá nhân là cái rất khó để lượng hóa, cân đong đo đếm. Hơn nữa, việc phổ biến niềm tin giữa các thành viên của một nhóm tinh hoa cầm quyền cũng không phải chuyện dễ dàng; ngoài ra, niềm tin ấy có thể lan tỏa đến những nhóm tinh hoa đối lập hay nhóm tinh hoa cầm quyền có đủ khả năng để biến niềm tin thành hành động hay không là điều rất khó nói. Vì thế, khó có thể coi lý luận của CNKT là một cách giải thích toàn diện, mà nó chỉ đóng góp thêm một tiếng nói hay một góc nhìn đa chiều hơn, cách giải thích cho động lực phổ biến VKHN trên thế giới♦

Tài liệu tham khảo:

1. Crawford, Neta C. (2000): *The Passion of World Politics: Propositions on Emotions and Emotional Relationships*, International Security, No. 24, Vol. 4.
2. de Gaulle, Charles (1971): *Memoirs of Hope: Renewal and Endeavor*, Simon and Schuster, New York.
3. Hymans, Jacques E. C. (2006): *The Psychology of Nuclear Proliferation: Identity, Emotions, and Foreign Policy*, Cambridge University Press.
4. Jervis, Robert (1976): *Perception and Misperception in International Politics*. Princeton, Princeton University Press.
5. Lavoy, Peter R. (1993): *Nuclear Myths and the Causes of Nuclear Proliferation*, Security Studies, Vol. 2, Spring/Summer.
6. Nye, Joseph S. (1986): *Nuclear Ethics*, Free Press, New York.
7. Sagan, Scott D. (1996): *Why Do States Build Nuclear Weapons? Three Models in Search of a Bomb*, International Security, No. 21 (3).